

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2020/HS - ST
Ngày 13/8/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong Phú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Chuyên

Bà Đỗ Thị Văn Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 100/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 429/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2020 đối với:

Các bị cáo:

1. Nguyễn Mạnh C - sinh năm 1987 tại thôn Quế Trạo B, xã Đồng Quế, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú + Chỗ ở: thôn Quế Trạo B, xã Đồng Quế, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Bản - sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Phương - sinh năm 1965; vợ: Nguyễn Thị Ngọc - sinh năm 1992, con: Có 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 18/2015/HSST ngày 15/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nguyễn Mạnh C 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Đánh bạc” và chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 15/10/2016, nộp án phí xong ngày 15/4/2015.

Tạm giữ, tạm giam: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/4/2020 đến ngày 04/5/2020 thì thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt

2. Nguyễn Văn C - sinh năm 1991 tại thôn Quế Trạo B, xã Đồng Quế, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú + Chỗ ở: thôn Quế

Trạo B, xã Đồng Quế, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Vọng - sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị Thuận - sinh năm 1963; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/4/2020 đến ngày 04/5/2020 thì thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt

*** Bị hại: Chị Ma Thị C-** sinh năm 1995

Địa chỉ: Khu Hùng Phú xã Phú Lâm, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu 5, xã Thanh Đình, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối 22/4/2020, Nguyễn Mạnh C - sinh năm 1987 và Nguyễn Văn C – sinh năm 1991, đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Quế Trạo B, xã Đồng Quế, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc cùng nhau đi ăn, uống tại thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong khi ăn, uống, C nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản, nên một mình đi về phòng trọ của C tại thành phố Vĩnh Yên (C đã nhiều lần đến phòng trọ của C) để lấy 01 chiếc kéo có chuôi nhựa màu xanh, dài khoảng 20 cm, mang theo người. Sau đó, C quay lại gặp C tại quán ăn và rủ C đến thành phố V để tìm quán hát nhưng mục đích của C là đi trộm cắp tài sản. C gọi điện thoại cho Khổng Trọng Linh - sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú tại thôn Quế Nham, xã Đồng Quế, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, là lái xe taxi ở thành phố V để nhờ Linh đón. Linh đồng ý và hẹn gặp C ở khu vực bệnh viện Sản nhi tỉnh Phú Thọ. Sau đó, C và C đi taxi từ thành phố Vĩnh Yên đến địa điểm hẹn gặp Linh.

Khoảng 00 giờ 45 phút ngày 23/4/2020, Linh điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic, màu đen, biển kiểm soát 88A - 319.87 đến đón C, C đi tìm quán hát. Khi đi đến gần khu vực cổng khu di tích lịch sử Đền Hùng thì C và C xuống xe đi vệ sinh. Lúc này, C rủ C nếu không tìm được quán hát thì tìm khu vực nào có nhà trọ để trộm cắp tài sản, C đồng ý. Sau đó, C và C tiếp tục lên xe, Linh điều khiển xe đến khu vực khu C nghiệp Thụy Vân nhưng các quán hát đều đóng cửa. C chỉ dẫn cho Linh đi đến địa phận xã Thanh Đình, thành phố V. Đến khoảng 02 giờ 30 phút, khi đi qua cổng chào xã Thanh Đình, C quan sát thấy có khu nhà trọ của anh Bùi Văn Bảy, sinh năm 1980, hộ khẩu thường trú tại khu 5, xã Thanh Đình, thành phố V, tỉnh Phú Thọ nên C bảo Linh dừng xe gần cổng khu nhà trọ. C và C lần lượt xuống xe đi đến khu nhà trọ. Lúc này, Linh không biết C, C xuống xe để trộm cắp tài sản nên vẫn ngồi trên xe đợi. Do cổng khu trọ cài then ngang, không khóa nên C dùng tay đẩy then cài và mở cổng. C và C

tháo dép đang đeo, C cầm dép cho cả hai, rồi cùng đi vào bên trong. C quan sát thấy phòng trọ số 06 của chị Ma Thị Châm, sinh năm 1995, hộ khẩu thường trú tại khu Hùng Phú, xã Phú Lâm, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ ở vị trí cuối dãy nhà trọ, bên phải hướng từ cổng đi vào có khe cửa rộng có thể cạy được then cửa bên trong nên C dùng chiếc kéo đã mang theo trước đó để cạy cửa. Còn C đi ra ngoài cảnh giới và nhặt một nửa viên gạch mục đích làm C cụ chống trả nếu bị phát hiện. Sau khi mở được cửa, C thấy chị Ma Thị Châm đang ngủ trong phòng, trên đầu giường có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S nên lấy chiếc điện thoại trên và cất giấu vào túi quần bên phải đang mặc. C quan sát thấy trong phòng có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, chìa khóa vẫn cắm tại ổ khóa điện, nên C quay ra gọi C và thống nhất sẽ trộm cắp chiếc xe này. C dắt xe lùi ra cửa, C đứng bên ngoài đỡ phần đuôi xe. Khi dắt được xe ra khỏi cửa phòng, C khép cửa lại rồi đi theo sau C. Đến cổng khu trọ, C vứt bỏ viên gạch và đưa dép cho C đi. C mở chìa khóa điện, nổ máy và điều khiển xe đi theo hướng ra khu Công nghiệp Thụy Vân. Khi C đi đến đoạn gần Bệnh viện sản Nhi tỉnh Phú Thọ, C dừng xe, mở cốp kiểm tra tài sản trộm cắp thấy bên trong có 01 áo khoác gió màu đỏ, 01 ví giả da màu vàng bên trong có 01 đăng ký xe, 01 bảo hiểm xe, 01 chứng minh nhân dân và số tiền 140.000 đồng. C lấy toàn bộ số tiền trên và giấy đăng ký xe, còn chiếc ví giả da, 01 bảo hiểm xe, 01 chứng minh nhân dân cùng 01 chiếc kéo mang đi từ trước vứt bỏ tại ven đường. C mặc chiếc áo gió và để chiếc điện thoại OPPO A3S, có gắn sim vừa trộm cắp được vào túi áo rồi tiếp tục lên xe điều khiển về hướng cầu V đi thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Sau khi trộm cắp xong, C lên xe ô tô của Linh và bảo Linh điều khiển xe đi theo C. Trên đường đi, Linh hỏi C về chiếc xe mô tô C, C lấy từ khu nhà trọ. C nói cho Linh biết chiếc xe mô tô đó là xe do C và C vừa trộm cắp được. Linh không đồng ý để C tiếp tục ngồi trên xe ô tô nên khi gặp C tại ngã ba đường tránh đi thành phố Vĩnh Yên, Linh dừng xe để C xuống xe còn Linh về nhà C lên xe mô tô C điều khiển. C nói cho C biết toàn bộ tài sản trộm cắp được và chiếc kéo C lấy tại phòng C để cạy cửa. C kiểm tra chiếc điện thoại trong túi áo nhưng không thấy, không xác định được rơi tại vị trí nào. C cởi chiếc áo gió vứt lại ven đường, C không nhớ rõ vị trí. Sau đó, C và C đến thành phố Vĩnh Yên cùng túi tiền hết số tiền 140.000 đồng vừa trộm cắp được.

Ngày 23/4/2020, chị Ma Thị Châm có đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V.

Ngày 23/4/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố V đã triệu tập Không Trọng Linh. Tại cơ quan điều tra, Linh khai báo toàn bộ hành vi chớ C, C như đã nêu trên. Đồng thời, Linh giao nộp 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic, màu đen, biển kiểm soát 88A - 319.87.

Ngày 24/4/2020, Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Văn C đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hồ Chí Minh Tại Cơ quan điều tra, C, C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên, đồng thời giao nộp: 01 xe mô tô nhũn hiệu Honda Airblade, màu trắng đỏ đen, đã qua sử dụng, biển kiểm soát 19P1-10872, số máy JF46E4148159, số khung 4603DY565514, 01 chìa khóa xe, 01 đăng ký xe mang tên Ma Thị Châm. Cơ quan điều tra đã dẫn giải C đến nơi vứt chiếc ví giả da, 01 bảo hiểm xe, 01 chứng minh nhân dân cùng 01 chiếc kéo, tuy nhiên không tìm thấy các đồ vật trên.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu định giá tài sản mà C và C trộm cắp được ngày 23/4/2020. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 45/2020/HĐĐG-KL ngày 29/4/2020, của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“ - Đối với 01 chiếc xe máy Honda Airblade màu trắng đỏ đen, sản xuất năm 2013 biển kiểm soát 19P1-10872 (số máy JF46E4148159, số khung 4603DY565514) có giá là 12.588.000 đồng.

- Đối với 01 điện thoại di động nhũn hiệu OPPO A3S màu đỏ đen có giá là 1.650.000 đồng.

- Đối với 01 sim điện thoại di động mạng Viettel có giá là 50.000 đồng.

- Đối với 01 chiếc áo khoác gió màu đỏ có giá là 100.000 đồng.

- Đối với 01 chiếc ví giả da màu vàng có kích thước 20cm x 10cm có giá là 120.000 đồng”. Tổng cộng: 14.508.000 đồng”. Tổng giá trị tài sản C và C trộm cắp được là 14.508.000đ + 140.000đ = 14.648.000đ.

Về động cơ, mục đích, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo: C và C trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu sã cá nhân.

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đầu thú thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, bị can Nguyễn Văn C phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp miễn giảm. Bởi vậy, bị cáo Nguyễn Mạnh C được tặng thưởng huy chương chiến sỹ vẻ vang.

Đối với Khổng Trọng Linh là người chở C, C đến nơi trộm cắp tài sản, Linh không biết và không tham gia phân bạc, thống nhất trộm cắp tài sản. Linh không tổ chức hành vi của C và C do sợ bị trả thù. Sau khi Cơ quan điều tra triệu tập, Linh đã khai báo toàn bộ hành vi của C và C. Hành vi của Linh không cấu thành tội phạm quy định tại Điều 390 Bộ luật hình sự. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý về hình sự là phù hợp.

Về vật chứng tài sản đã thu giữ, quá trình điều tra xác định:

01 xe mô tô BKS 19P1-108.72, 01 chìa khóa xe, 01 đăng ký xe mang tên Ma Thị Châm là tài sản hợp pháp của chị Châm nên ngày 07/5/2020 Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Châm là chủ sở hữu.

01 chiếc xe ô tô Honda Civic, màu đen, biển kiểm soát 88A - 319.87 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Quản Hải Lăng - sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú xã Phương Khoan, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, anh Lăng cho anh Khổng Trọng Linh thuê xe để lái taxi. Anh Lăng không biết việc Linh sử dụng xe như trên nên ngày 20/5/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh Lăng nhận và anh không có yêu cầu gì khác.

02 chiếc điện thoại di động kèm sim của bị cáo C và bị cáo C, các bị cáo dùng để liên lạc hàng ngày không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về dân sự: C và C đã bồi thường cho chị Châm số tiền 2.000.000 đồng. Chị Châm không có yêu cầu gì khác.

Về tài sản của các bị cáo: Ngoài đồ dùng sinh hoạt thiết yếu, các bị cáo không có tài sản gì khác.

Tại bản cáo trạng số 114/CT-VKSVT ngày 19 tháng 7 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố các bị cáo Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V không thay đổi, bổ sung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đối với bị cáo Nguyễn Mạnh C: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh C từ 15 (mười lăm) tháng tù cho đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn C: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi tư) tháng tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Văn C cho UBND xã Đồng Quế, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo C và bị cáo C có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đồng Quế, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc trong việc giám sát và giáo dục các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát và giáo dục các bị cáo được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng đối với các bị cáo

Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Mạnh C 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, model: 105, số IMEI: 357327083937249 gắn sim số 0366708031 và trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, model: 206, số IMEI: 351717064117165 gắn sim số 0833243171.

Xác nhận cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại 01 xe mô tô BKS 19P1 - 108.72, 01 chìa khóa xe, 01 đăng ký xe mang tên Ma Thị Châm.

Xác nhận cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc xe ô tô Honda Civic, màu đen, biển kiểm soát 88A - 319.87 cho anh Quản Hải Lăng

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu đề nghị gì vì vậy không đề cập xử lý.

Án phí Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Cảnh sát thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Văn C khai nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 23/4/2020 tại phòng trọ số 06 thuộc khu 5, xã Thanh Đình, thành phố V, tỉnh Phú Thọ của chị Ma Thị Châm, Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Văn C đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe máy Honda Airblade màu trắng đỏ đen, sản xuất năm 2013 biển kiểm soát 19P1-10872 (số máy JF46E4148159, số khung 4603DY565514) trị giá 12.588.000 đồng, trong cốp xe có 01 chiếc áo khoác gió màu đỏ trị giá 100.000 đồng, 01 chiếc ví giả da màu vàng có kích thước 20cm x 10m trị giá 120.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đỏ đen trị giá 1.650.000

đồng; 01 sim điện thoại di động mạng Viettel trị giá 50.000 đồng và số tiền 140.000 đồng. Tổng giá trị tài sản C và C trộm cắp của chị Ma Thị Châm là 14.648.000 đồng.

Xét thấy lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra; Lời khai bị hại; vật chứng vụ án và các tài liệu khác lập lưu trong hồ sơ vụ án. Khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hành sự, nhận thức được tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nhưng vẫn trộm cắp để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Tổng số tài sản các bị cáo trộm cắp của người bị hại là 14.648.000đ (Mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, các bị cáo nhận thức được hành vi thực hiện là vi phạm pháp luật nên các bị cáo không tranh luận và bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định như sau:

“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xét thấy tính chất vụ án thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích để lấy tiền tiêu xài. Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn và gây hoang mang trong Nhân dân. Vì vậy, đưa các bị cáo ra xét xử và có hình phạt mới có tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hành sự đối với bị cáo:

Vụ án có tính chất đồng phạm nhưng giản đơn, không mang tính tổ chức. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều là người thực hành nên vai trò của các bị cáo là như nhau. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hành sự của từng bị cáo.

Đối với bị cáo C: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đầu thú; Người bị hại đề nghị cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội và bố đẻ bị cáo là ông Nguyễn Văn Bản được tặng thưởng

huy chương chiến sỹ vẻ vang. Đối với bị cáo C: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại; Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đầu thú và bị hại đề nghị cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội. Vì vậy, khi quyết định mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo C phải nhẹ hơn so với mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo C. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo C cũng được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự, mặc dù bị cáo đã bị Tòa án xét xử nhưng đã được xóa án tích, lần phạm tội này tính chất vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên xem xét cho bị cáo mức án phù hợp thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt chính:

Xét thấy, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có thể tự cải tạo ngoài xã hội, việc tự cải tạo ngoài xã hội không gây nguy hiểm cho xã hội và không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Căn cứ vào Điều 2 và Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, bị cáo đủ điều kiện áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự để được hưởng án treo. Đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào các quy định của pháp luật, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo C từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và bị cáo C từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo là có căn cứ. Vì vậy, xét thấy áp dụng mức hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo C và bị cáo C cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành Công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo có thể bị phạt một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước. Xét thấy các bị cáo không có tài sản gì có giá trị nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự:

Cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Mạnh C 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, model: 105, số IMEI: 357327083937249 gắn sim số 0366708031 và trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, model: 206, số IMEI: 351717064117165 gắn sim số 0833243171 do không liên quan đến việc phạm tội xét thấy là phù hợp

Xét thấy Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu trả lại cho chị Ma Thị Châm 01 xe mô tô BKS 19P1 - 108.72, 01 chìa khóa xe, 01 đăng ký cho chị Châm xét thấy là phù hợp. Đối với một số tài sản khác của chị Châm không thu hồi được, các bị cáo C và C đã tự nguyện bồi thường cho chị Châm số tiền 2.000.000đ, chị

Châm đã nhận 2.000.000đ để khắc phục lại số tài sản còn lại bị mất chưa thu hồi được và không có yêu cầu đề nghị gì vì vậy không đề cập xử lý xét thấy là phù hợp.

[8] *Án ph í*

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Mạnh C. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn C. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[1] Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh C 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Mạnh C cho UBND xã Đồng Quế, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Mạnh C có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đồng Quế, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc trong việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

[2] Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho UBND xã Đồng Quế, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn C có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đồng Quế, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc trong việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát và giáo dục bị cáo được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng đối với các bị cáo Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Văn C.

[4] Về xử lý vật chứng : Trả lại cho bị cáo Nguyễn Mạnh C 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, model: 105, số IMEI: 357327083937249 gắn sim số 0366708031 và trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, model: 206, số IMEI: 351717064117165 gắn sim số 0833243171 (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/7/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố V và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V).

[5] Về án phí Buộc các bị cáo Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Văn C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Đồng Quế, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phong Phú